TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2017/HNGĐ
ngày 18/9/2017
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hường

2. Bà Nông Thị Ngọc Ánh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nông Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc: Xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hà Thị H

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C

2. Bị đơn: Nông Vương H

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C

3. Người có quyền lợi liên quan trong vụ án:

- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện T, tỉnh C, người đại diện bà: Đinh Thị N - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh C.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, người đại diên ông Hoàng Mạnh H - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh C.

Nguyên đơn, bị đơn: Có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi liên quan: Bà Đinh Thị N và ông Hoàng Mạnh H.

- Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2017 trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị H trình bày: Chị H kết hôn cùng anh Nông Vương H từ tháng 12 năm 2004, hôn nhân có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh C. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2005, anh H đi thụ án tại trại giam phú Sơn, Thái Nguyên 3 năm 09 tháng tù. sau khi được mãn hạn tù về địa phương sinh sống anh H cũng không thay đổi tính nết, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, kinh tế gia đình khó khăn, anh chị có đi làm công nhân để thêm thu nhập ổn định cuộc sống thì anh H có nghi ngờ chị có tình cảm với người đàn ông khác, vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2017 anh H đi làm công nhân có tình cảm với người phụ nữ khác, có dẫn người phụ nữ đó về nhà đánh, doạ giết chị từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay.

Về con chung: Chị H và anh H có 01 đứa con chung tên là Nông Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- 01 (một) nhà sàn gỗ tạp mái lợp Prô xi măng dựng năm 2005, trị giá hiện tại còn 10.000.000,đ; 01 (một) tủ lạnh trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ; 01 (một) ti vi, + 01 (một) chảo trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ; 01 (một) bộ cột bằng gỗ nghiến trị giá 10.000.000,đ.

Ngoài những tài sản kể trên còn có 01 máy sát bột và một máy thái chuối đã cũ nên tôi không yêu cầu chia mà tự nguyện để cho anh H sở hữu.

Về phần vay nợ: Trong quá trình chung sống hai anh chị có vay tại:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T với số tiền là: 33.000.000,đ cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 8310LAV201501013 ngày 26 tháng 6 năm 2015 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T và gia đình anh Vương Văn H và chị Hà Thị H tính đến ngày 13/3/2017 anh chị đã trả được là: 11.600.000,đ. Hiện tại tổng nợ gốc còn là 21.400.000,đ và khoản tiền lãi phát sinh.

- Khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T với số tiền là 30.000.000,đ, cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 6000002400018299 ngày 28 tháng 3 năm 2011 tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2017 đã trả được: 19.000.000,đ

Hiện tại tổng nợ gốc còn là: 11.000.000,đ và khoản tiền lãi phát sinh.

Nay chị Hà Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Toà giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H xin được ly hôn với anh Nông Vương H.

Về con chung: Cháu Nông Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006. Sau khi ly hôn chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000,đ (Một triệu đồng) / tháng, đóng góp theo tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị có yêu cầu được sở hữu 01 bộ cột nhà có giá trị là 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

Còn các tài sản khác gồm: 01 (một) nhà sàn gỗ tạp mái lợp Prô xi măng dựng năm 2005, trị giá hiện tại còn 10.000.000,đ; 01 (một) tủ lạnh trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ; 01 (một) ti vi + 01 (một) chảo trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ . Những tài sản trên sau khi ly hôn chị để lại cho anh H quản lý, sử dụng, sở hữu. Ngoài những tài sản kể trên còn có 01 máy sát bột và một máy thái chuối (đã cũ) nên chị không yêu cầu chia mà tự nguyện để cho anh H sở hữu.

Bị đơn: Nông Vương H trình bày: Về điều kiện kết hôn cũng như chị H đã trình bày, anh chị kết hôn năm 2004, hôn nhân có được tìm hiểu có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh C trong khoảng thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp, sống không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi và xô sát nhau, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, sống không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa, anh, chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh H nhất trí.

Về con chung: Anh Nông Vương H cùng chị Hà Thị H có 01 con chung tên là Nông Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006. Sau khi ly hôn anh nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi con, nhưng anh không nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000,đ (một triệu đồng)/ tháng theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có: - 01 (một) nhà sàn gỗ tạp mái lợp Prô xi măng tại thôn N, xã T, huyện T dựng năm 2005, trị giá hiện tại còn 10.000.000,đ; 01 (một) tủ lạnh trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ; 01 (một) ti vi, + 01 (một) chảo trị giá hiện tại còn là 3.000.000,đ; 01 (một) bộ cột bằng gỗ nghiến trị giá 10.000.000,đ. Những tài sản trên sau khi ly hôn chị H có yêu cầu được sở hữu 01 (một) bộ cột nhà còn các tài sản khác chị không yêu cầu được sở hữu, quản lý ngoài ra còn có 01 (một) máy sát bột và 01 (một) máy thái chuối chị H tự nguyện để cho anh Sở hữu quản lý sử dụng anh nhất trí. Những tài sản trên hiện ở tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C.

Về phần vay nợ: Trong quá trình chung sống hai anh chị có vay tại:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T với số tiền là: 33.000.000,đ cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 8310LAV201501013 ngày 26 tháng 6 năm 2015 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T và gia đình anh Vương Văn H và chị Hà Thị H tính đến ngày 13/3/2017 anh chị đã trả được là: 11.600.000,đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hiện tại

tổng nợ gốc còn là 21.400.000,đ (Hai mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh.

- Khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T với số tiền là 30.000.000,đ, cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 6000002400018299 ngày 28 tháng 3 năm 2011 tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2017 đã trả được: 19.000.000,đ (mười chín triệu đồng chẵn). Hiện tại tổng nợ gốc còn là: 11.000.000,đ (Mười một triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh.

Sau khi ly hôn anh H có yêu cầu mỗi bên chịu trách nhiệm trả một nửa đối với khoản tiền nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi liên quan:

- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện T, tỉnh C, người đại diện bà: Đinh Thị N - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh C.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, người đại diên ông Hoàng Mạnh H - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh C.

Đã có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H cùng anh Nông Vương H kết hôn tháng 12 năm 2004 có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh C. Do đó đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống khi mới kết hôn anh chị sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, sống không tin tưởng nhau, chị cho rằng anh H là người chồng sống không chung thuỷ, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng luôn cãi chửi, xô sát lẫn nhau cho đến tháng 02 năm 2017 anh chị đã sống ly thân không qua lại thăm nom nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả. Do đó tại toà chị Hà Thị H xin ly hôn với anh Nông Vương H, anh H cũng nhất trí ly hôn căn cứ vào Điều 51 và điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thấy sự tự nguyện đó là phù hợp cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung tên là Nông Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành, chị có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000,đ/ tháng đóng góp theo tháng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Nông Vương H nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi con, nhưng anh không nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và xét nguyện vọng của cháu Nông Bảo A tại văn bản ngày 26/6/2017 cháu Nông Bảo A có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và xét điều kiện kinh tế và nơi sinh sống, sinh hoạt của anh H và chị H và nguyện vọng của cháu Nông bảo A, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xét về quyền lợi mọi mặt để cháu Nông Bảo A phát triển về thể chất lẫn tinh thần của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành của chị H là phù hợp theo quy định của pháp.

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của người cha và người mẹ. Nên việc chị H yêu cầu anh H phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000,đ (một triệu đồng)/ tháng. Tại phiên toà anh H khai anh đi làm công nhân mỗi tháng anh thu nhập 12 - 13 triệu đồng nhưng anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Về mức đóng góp Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc mức cấp dưỡng sao cho phù hợp với mức thu nhập của anh H và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2] Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Căn cứ vào các Điều 33, 38,59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị H được quyền quản lý, sở hữu 01 (một) bộ cột nhà bằng nghiến (hiện nay bộ cột nhà ở tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C) có giá trị là 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

[3.2] Anh Nông Vương H được quyền quản lý, sở hữu - 01 (một) nhà sàn gỗ tạp mái lợp Prô xi măng tại thôn N, xã T, huyện T dựng năm 2005, trị giá 10.000.000,đ (Mười triệu đồng); 01 (một) tủ lạnh trị giá 3.000.000,đ (Ba triệu đồng); 01 (một) ti vi, + 01 (một) chảo trị giá 3.000.000,đ (Ba triệu đồng).

Ngoài ra chị H tự nguyện để anh H còn được sở hữu 01 (một) máy sát bột và 01 (một) máy thái chuối.

Toàn bộ khối tài sản trên đang ở tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C.

[4] Về phần nợ chung của anh H và chị H:

[4.1] Phần nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T với số tiền là: 33.000.000,đ cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 8310LAV201501013 ngày 26 tháng 6 năm 2015 giữa Ngân hàng nông nghiệp

và phát triển nông thôn huyện T và gia đình anh Vương Văn H và chị Hà Thị H tính đến ngày 13/3/2017 anh chị đã trả được là: 11.600.000,đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hiện tại tổng nợ gốc còn là 21.400.000,đ (Hai mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh.

[4.2] Phần nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T với số tiền là 30.000.000,đ, cụ thể theo hợp đồng tín dụng số: 6000002400018299 ngày 28 tháng 3 năm 2011 tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2017 đã trả được: 19.000.000,đ (Mười chín triệu). Hiện tại tổng nợ gốc còn là: 11.000.000,đ (Mười một triệu) và khoản tiền lãi phát sinh.

Sau khi ly hôn:

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T khoản tiền nợ gốc là: 10.700.000,đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

Anh Nông Vương H có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T khoản tiền nợ gốc là: 10.700.000,đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T khoản tiền nợ gốc là: 5.500.000,đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

Anh Nông Vương H có trách nhiệm trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T khoản tiền nợ gốc là: 5.500.000,đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

[5] Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 33, 38 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 của Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần 2 danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nông Vương H đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị H.

[2] Về con chung: Chị Hà Thị H là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nông Bảo A sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Vương H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị H là 1.000.000,đ (Một triệu đồng) / tháng, đóng góp theo tháng. Tiền cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung của vợ chồng:

[3.1] Chị Hà Thị H được quyền quản lý, sở hữu 01 (một) bộ cột nhà bằng nghiến giá trị 10.000.000,đ (Mười triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chị H được sở hữu là 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

[3.2] Anh Nông Vương H được quyền quản lý, sở hữu - 01 (một) nhà sàn gỗ tạp mái lợp Prô xi măng tại thôn N, xã T, huyện T dựng năm 2005, trị giá 10.000.000,đ (Mười triệu đồng); 01 (một) tủ lạnh trị giá 3.000.000,đ (Ba triệu đồng); 01 (một) ti vi và 01 (một) chảo trị giá 3.000.000,đ (Ba triệu đồng). Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là: 16.000.000,đ (Mười sáu triệu đồng).

Ngoài ra chị H tự nguyện để anh H sở hữu 01 (một) máy sát bột và 01 (một) máy thái chuối (Vì đã cũ không còn giá trị).

Toàn bộ khối tài sản trên đang ở tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh C.

[4] Về phần nợ chung của anh H và chị H:

[4.1] Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh C.

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T khoản tiền nợ gốc là: 10.700.000,đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

Anh Nông Vương H có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T khoản tiền nợ gốc là: 10.700.000,đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

[4.2] Tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T:

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T khoản tiền nợ gốc là: 5.500.000,đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

Anh Nông Vương H có trách nhiệm trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T khoản tiền nợ gốc là: 5.500.000,đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng.

[4] Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được

trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000518, ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn.

Anh H phải chịu khoản tiền án phí của người phải cấp dưỡng nuôi con là 300.000,đ sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra chị H còn phải chịu khoản tiền án phí về giá trị phần tài sản được hưởng có giá ngạch: 10.000.000,đ x 5% = 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng). Anh H phải chịu khoản tiền án phí về giá trị phần tài sản được hưởng có giá ngạch: 16.000.000,đ x 5% = 800.000,đ (Tám trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các bên đương sự*
- *Người có QLLQ*
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *CCTHA DS huyện*
- *UBND xã Đức Thông*
- *Lưu HS*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương